

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 6 - 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Cường Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn và bà Đào Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số: 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 26/2025/QĐST - HNGĐ ngày 06/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1998 (Có mặt).

Trú tại: Khu 3, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thường M, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh .

NỘI D V U Á N

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thường M trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng kí kết hôn vào ngày 01/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Sau kết hôn hai vợ chồng về khu Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội sinh sống. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn và đến khoảng tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng

quan điểm, không có tiếng nói chung, không có sự bàn bạc với nhau, thường xuyên cãi cọ, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh M không có việc làm ổn định, không có trách nhiệm với gia đình, gây áp lực về vật chất và tinh thần (bác sĩ chẩn đoán mắc bệnh trầm cảm) cho chị, thường xuyên lừa dối, không trung thực, không tôn trọng cảm xúc của chị, bắt chị đi vay tiền để đưa cho anh M sử dụng không rõ mục đích, nhiều lần anh M còn đánh chị. Chị và 02 bên gia đình có nói chuyện và khuyên bảo anh M nhiều lần để sửa đổi nhưng anh M không thay đổi. Anh M lấy xe vision là tài sản của chị có trước hôn nhân đi cầm ở cửa hàng cầm đồ M (có giấy cầm đồ bản phô tô) và chị phải tự đi chuộc về. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thường M.

- Về con chung: Chưa có; Về tài sản chung, trích chia công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị D là mẹ chồng chị đề nghị Tòa án buộc chị và anh M phải trả cho bà số tiền 400.000.000đ tiền vay, chị không nhất trí vì chị không liên quan, đây là việc vay nợ riêng giữa anh M và bà D, anh M sử dụng số tiền để làm gì chị không biết. Ngày 29/4/2025, bà Nguyễn Thị D rút toàn bộ yêu cầu đòi số tiền vay 400.000.000đ đối với vợ chồng chị, chị không có ý kiến gì.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chị H không trình bày gì thêm khác.

** Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thường M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh cũng đồng ý về thời điểm, điều kiện kết hôn như chị Trần Thị Thuý H trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống cùng nhau anh cũng thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn và khó khăn về cuộc sống. Bản thân anh nhận thấy có những sai sót mình mắc phải nên mong muốn có cơ hội thay đổi, duy trì cuộc sống hôn nhân. Anh không đồng tình với nội D liên quan bạo lực gia đình và áp lực kinh tế do chị H trình bày. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể quay về đoàn tụ với nhau được nên đề nghị Tòa án tiếp tục tục hòa giải còn nếu không hòa giải được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chưa có; Về tài sản chung, trích chia công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng anh có vay của bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962 (là mẹ đẻ anh), tổng số tiền là 400.000.000đ. Nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc cả hai vợ chồng phải thanh toán khoản vay nợ trên cho mẹ anh bà Nguyễn Thị D. Cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng tháng 6 năm 2023 vay số tiền 250.000.000đ để ổn định cuộc sống vợ chồng.

Lần 2: Ngày 10/12/2024, vay số tiền 150.000.000đ để trả khoản nợ cho chị Trần Thị Thuý H ở Ngân hàng TMCP A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/4/2025, mẹ anh là bà D rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc cả hai vợ chồng anh phải thanh toán khoản vay nợ trên cho mẹ anh; anh không có ý kiến gì.

Ngoài ra, anh M không trình bày gì thêm gì khác.

** Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:* Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Thường M, sinh năm 1987; vào ngày 01/12/2022 anh M có kết hôn với chị Trần Thị Thuý H, sinh năm 1998. Trú tại: Khu 3, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiên Du. Vào tháng 6 năm 2023, anh M chị H có về nói chuyện với bà vay số tiền 250.000.000đ để làm ăn ổn định cuộc sống, bà đã đồng ý cho vợ chồng anh M, chị H vay số tiền trên. Đến tháng 11 năm 2024, bà có tiếp tục cho chị H vay số tiền 150.000.000đ để trả nợ khoản vay Ngân hàng, khoản nợ này chỉ có bà và chị H biết. Tổng số tiền bà cho vợ chồng anh M, chị H vay là 400.000.000đ; khi cho vay do là con trong gia đình nên không có viết giấy vay nợ. Nay bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc cả hai vợ chồng anh M, chị H phải thanh toán khoản vay nợ trên cho bà. Do là người cao tuổi nên bà có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà và vợ chồng anh M, chị H đã tự thoả thuận được với nhau về việc trả nợ nên ngày 29/4/2025 bà có làm đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu trả nợ trên. Ngoài ra, bà D không trình bày gì thêm gì khác.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến, đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; 244; 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thuý H. Xử cho chị Trần Thị Thuý H được ly hôn với anh Nguyễn Thường M.

- Về con chung: Chưa có; Về tài sản chung, trích chia công sức: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết còn anh M trình bày vợ chồng có nợ bà D số tiền 400.000.000đ, nếu vợ chồng ly hôn thì phải trả bà D số tiền trên.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D đối với đề nghị Tòa án buộc anh M, chị H phải trả bà số tiền vay 400.000.000đ.

- Về án phí: Chị Trần Thị Thuý H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Thuý H có đơn xin ly hôn theo đúng mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Anh Nguyễn Thường M hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất anh M, bà D vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa vào ngày 06/6/2025. Tại phiên tòa hôm nay, anh M, bà D vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 dù được triệu tập hợp lệ, do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thường M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D theo thủ tục chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thường M có trình bày hai vợ chồng có vay của bà Nguyễn Thị D số tiền 400.000.000đ. Ngày 17/3/2025, bà D có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh M, chị H nếu ly hôn phải trả lại bà số tiền vay 400.000.000đ và đơn xin miễn tạm ứng án phí với lý do là người cao tuổi. Ngày 26/3/2025, Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của bà D và đưa bà Nguyễn Thị D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội D vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thuý H và anh Nguyễn Thường M có đăng kết hôn vào ngày 01/12/2022 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Khi kết hôn chị H và anh M đều đủ điều kiện kết hôn và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thuý H và anh Nguyễn Thường M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án cả chị H và anh M đều xác nhận trong quá trình chung sống cùng nhau có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm,

không có tiếng nói chung, không có sự bàn bạc, thường xuyên cãi cọ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh M không có việc làm ổn định, không có trách nhiệm với gia đình, gây áp lực về vật chất và tinh thần (bác sĩ chẩn đoán mắc bệnh trầm cảm) cho chị, thường xuyên lừa dối, không trung thực, không tôn trọng cảm xúc của vợ, bắt chị đi vay tiền để đưa cho anh M sử dụng không rõ mục đích, nhiều lần anh M còn đánh chị. Chị có nói chuyện với anh M nhiều lần để sửa đổi nhưng anh M không thay đổi. Anh M lấy xe vision là tài sản của chị có trước hôn nhân đi cấm ở cửa hàng cầm đồ M Cường và chị phải tự đi chuộc về. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên có biết, có khuyên bảo nhưng không được. Anh M trình bày, trong thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau có những mâu thuẫn và khó khăn trong cuộc sống. Bản thân anh nhận thấy có những sai sót mình mắc phải nên mong muốn có cơ hội thay đổi, duy trì cuộc sống hôn nhân. Anh không đồng tình với nội D liên quan bạo lực gia đình và áp lực kinh tế do chị H trình bày. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể quay về đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định vợ chồng đến nay không còn tình cảm và giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Thường M. Anh M vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên lời trình bày và không đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị H và anh M đều xác nhận có mâu thuẫn vợ chồng là có thật trên thực tế. Vợ chồng sống ly thân với nhau đã lâu từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, chấm dứt mọi quan hệ sinh lý, tình cảm. Hôn nhân giữa chị H và anh M chỉ tồn tại trên hình thức, đời sống chung không thể kéo dài nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị Thúy H làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Thúy H, xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Thường M theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, trích chia công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết còn anh M trình bày vợ chồng có nợ bà D số tiền 400.000.000đ, nếu vợ chồng ly hôn thì phải trả bà D số tiền trên.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D về việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc cả hai vợ chồng anh M, chị H phải thanh toán khoản vay nợ 400.000.000đ cho bà: Ngày 29/4/2025, bà D lại có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên. Xét thấy việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của bà D là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm, không trái quy định của pháp luật

và được Toà án chấp nhận nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc đề nghị Toà án buộc anh M, chị H phải trả bà số tiền vay 400.000.000đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du là phù hợp.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Thúy H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Bà Nguyễn Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 217; 227; 228; 235; 244; 262; 264; 266; 269; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Thúy H. Xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Thường M.

2. Về con chung: Chưa có; Về tài sản chung, trích chia công sức: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về công nợ: Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D về việc buộc chị Trần Thị Thúy H và anh Nguyễn Thường M phải trả số tiền đã vay là 400.000.000 đồng.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thúy H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị Trần Thị Thúy H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Biên lai BLTU/24 số 0002677, ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- THA DS huyện Tiên Du;
- UBND xã T, huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đỗ Cường Dũng